

TRƯỜNG THPT HÀN THUYỀN
TỔ : NGŨ VĂN

NỘI DUNG ÔN TẬP
MÔN: NGŨ VĂN – LỚP 10 (CUỐI HỌC KÌ 1)
NĂM HỌC 2025-2026

A) GIỚI HẠN CHƯƠNG TRÌNH: Từ bài 1 đến hết bài 4 (chương trình 2018)

PHẦN VĂN HỌC :

Bài 1 : Sức hấp dẫn của truyện kể

Bài 2 : Vẻ đẹp của thơ ca

Bài 3 : Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận

Bài 4 : Sức sống của sử thi

PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT :

1. Sử dụng từ Hán Việt

2. Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa

3. Lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản

4. Sử dụng trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần bị tình lược trong văn bản.

PHẦN LÀM VĂN:

1. Văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện

a) Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm (về nhan đề, tên tác giả,...) và ý kiến khái quát về tác phẩm của người viết. Chia sẻ với người đọc lý do lựa chọn tác phẩm này để phân tích, đánh giá và điều khiển người viết yêu thích tác phẩm.

b) Thân bài:

- Tóm tắt nội dung chính của tác phẩm truyện.
- Phân tích, đánh giá về chủ đề của tác phẩm truyện dựa trên cứ liệu dẫn ra từ tác phẩm.
- Phân tích, đánh giá về những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. Mỗi phân tích, đánh giá đều phải có những chi tiết tiêu biểu được dẫn chứng ra từ tác phẩm.

c) Kết bài: Tóm lược các nhận định ở trong phần thân bài, khẳng định giá trị của tác phẩm truyện, đưa ra một số ý tưởng mở rộng, ...

2. Văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ

a) Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm thơ (tác giả, nơi xuất bản, thời điểm ra đời, đánh giá chung của dư luận,...) và nêu vấn đề chính sẽ được tập trung phân tích ở trong bài viết.

b) Thân bài:

– Phân tích, đánh giá về mạch ý tưởng, cảm xúc của nhân vật trữ tình (nhân vật trữ tình muốn biểu đạt nên điều gì, thông qua hình tượng nào, với thái độ và cái nhìn ra sao,...).

– Phân tích, đánh giá về sự phát triển của hình tượng chính (thông qua các khổ, đoạn trong bài) và tính độc đáo của các phương tiện ngôn từ đã được sử dụng (từ ngữ, cách ngắt nhịp, gieo vần, các biện pháp tu từ,...).

– Phân tích, đánh giá nét hấp dẫn riêng của tác phẩm thơ so với những sáng tác khác cùng đề tài, thể loại, chủ đề (của chính nhà thơ hoặc của các tác giả khác).

c) **Kết bài:** Khẳng định lại giá trị tư tưởng và giá trị thẩm mỹ của tác phẩm thơ, ý nghĩa của bài thơ đối với người viết bài nghị luận.

3. Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ thói quen hay một quan niệm

4. Viết báo cáo nghiên cứu một vấn đề

B) CẤU TRÚC :

- Thời gian: 90 phút

- Cấu trúc bao gồm 02 phần:

+ Phần đọc hiểu: Gồm 06 câu.

+ Phần viết: Gồm 01 câu (yêu cầu viết bài văn nghị luận xã hội hoặc bài văn nghị luận văn học).

C) THAM KHẢO ĐỀ:

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẮC GIANG

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

NĂM HỌC: 2024 - 2025

MÔN: NGỮ VĂN 10 – THPT

Thời gian: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CHỮ LẦU

(Thần thoại H'mông)

Chữ Lầu sau khi sáng tạo ra trời đất bèn làm một lúc 10 mặt trời, 9 mặt trăng và rất nhiều sao để chiếu rọi cho khô ráo và cho sáng. Về sau vì loài người sợ rằng những thứ đó rơi xuống có thể làm nguy hại trần gian nên xin Chữ Lầu cất đi nhưng Chữ Lầu không cất, chỉ làm thêm một cái màng xanh ngăn giữa đất và tinh cầu để cho loài người an tâm. Mười mặt trời là nữ, chín mặt trăng là nam được Chữ Lầu cho một cái hôn vào miệng và thổi hơi cho hoạt động. Những tinh cầu ấy hun đốt trong bảy năm liền. Trong thời gian đó, chỉ có ngày mà không có đêm.

Khi đất đã khô ráo, Chữ Lầu làm ra mọi thứ cỏ cây, muôn vật và người. Con người do Chữ Lầu dùng đất nặn thành, cho hôn vào bụng, tiếng nói ở cổ họng và thổi hơi vào cho sống. Mọi vật phát triển rất chóng, chỉ mấy lúc mà đầy cả mặt đất. Nhưng vì nóng quá, con người bèn chặt cây lớn làm cung tên khổng lồ, bắn vào các mặt trời và mặt trăng. Chín mặt trời và tám mặt trăng trúng tên tắt ngay còn hai cái nữa trốn thoát.

Trong khoảng đó có đêm không ngày người ta sống trong cảnh đen tối, lạnh lẽo. Họ cố nài mặt trời và mặt trăng trở lại nhưng chúng không nghe. Các giống vật cử cộp đi gọi nhưng cũng không được. Sau bảy năm, nhờ có gà gọi mãi đến lần thứ bảy, bọn chúng mới chịu trở về, Chữ Lầu thưởng cho gà một cái mào đỏ vì có công trạng ấy.

Con người lúc đó sống đến 900 tuổi, đến hạn cũng chết nhưng được vào vườn Din-giang-ca¹ của Chữ Lầu. Ở trong đó mười hai ngày tự nhiên lột da, sống và trẻ lại rồi trở về nhà cũ. Nhưng có một nhà nọ, nàng dâu xích mích với mẹ chồng, thường hắt hủi xỉ vả nên mẹ chồng giận quyết ở luôn tại vườn Din-giang-ca không về. Ở đây bà ta ăn quả đào trắng, uống nước suối, phạm vào lệnh cấm của Chữ Lầu, làm cho Chữ Lầu giận, bèn cấm loài người không được đến vườn của mình nữa. Từ đó, loài người hễ chết là chết luôn.

Lúc đó công việc làm đồng rất nhẹ nhàng. Cỏ không có, cây cối tự nhiên mọc và có quả. Ngó ăn được cả lá. Người ta chỉ mất công gieo ngô và lúa là có ăn. Mỗi lần lúa chín tự nhiên nó bay về, không phải gặt. Nhưng có một người kia phân việc là mang cơm ra đồng cho mọi người ăn, thấy nhóm mình làm việc quá chóng: vừa đặt cơm ở chỗ này thì họ đã tiến cách đó rất xa. Người ấy bèn xin Chữ Lầu hiện có ra mặt đất để cho công việc chậm lại. Chữ Lầu nghe lời. Vì thế mà từ đó công việc đồng áng rất chậm vật. Lại có một nhà

¹. Din-giang-ca: vườn của Chữ Lầu, tức là “thiên đường” theo quan niệm thần thoại. Chữ đề về “thiên đường”, về “cây sinh mệnh” (một thứ cây “cải lão hoàn đồng”) là một chủ đề phổ biến của thần thoại các dân tộc.

khác có người đàn bà nhác không chịu quét dọn nhà cửa để đón lúa nên lúc lúa bay về thấy bắn thiu bèn rủ nhau từ đấy quyết không tự về nữa.

(Theo *Độc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 10*, Bùi Minh Đức (Tổng Chủ biên), NXB Giáo dục Việt Nam, 2020, tr.13-14)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định những từ ngữ chỉ không gian thần thoại trong văn bản.

Câu 2. Theo văn bản, nguyên nhân nào khiến Chữ Lầu thương cho gà một cái mào đỏ?

Câu 3. Qua văn bản, người xưa bày tỏ những ước mơ, khát vọng về điều gì?

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa trong câu:

Lại có một nhà khác có người đàn bà nhác không chịu quét dọn nhà cửa để đón lúa nên lúc lúa bay về thấy bắn thiu bèn rủ nhau từ đấy quyết không tự về nữa.

Câu 5. Nhận xét về những đặc điểm của nhân vật Chữ Lầu trong văn bản.

Câu 6. Nêu một thông điệp sâu sắc mà bạn nhận được từ văn bản. (Trả lời khoảng 5 - 7 dòng)

II. VIẾT (5,0 điểm)

Hiện nay, nhiều người trẻ có thói quen sống khép kín, né tránh giao tiếp xã hội.

Bạn hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục người khác từ bỏ thói quen này.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỘC HIỂU	5,0
	1	Những từ ngữ chỉ không gian thần thoại: trời đất, trần gian, tinh cầu, vườn Din-giang-ca, mặt đất. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 04-05 từ ngữ: 0,75 điểm - Học sinh trả lời được 02-03 từ ngữ: 0,5 điểm - Học sinh trả lời được 01 từ ngữ: 0,25 điểm - Học sinh trả lời sai: 0,0 điểm	0,75
	2	Theo văn bản, Chữ Lầu thương cho gà cái mào đỏ là vì gà có công gọi được mặt trời và mặt trăng trở về. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời sai: 0,0 điểm	0,75
	3	Qua văn bản, người xưa bày tỏ những ước mơ, khát vọng: - Chinh phục tự nhiên (dùng cung tên bắn mặt trời, mặt trăng; gọi mặt trời, mặt trăng trở về...) - Trường sinh bất tử (con người chết đi vào vườn Din-giang-ca mười hai ngày sẽ được tái sinh, trở về nhà) - Giảm nhẹ sức lao động (cây cối tự nhiên mọc và có quả, lúa tự bay về...) Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời đúng 02 ý: 0,75 điểm - Học sinh trả lời đúng 01 ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời sai: 0,0 điểm	1,0

	4 - Biện pháp tu từ nhân hóa: <i>lúa bay về thấy nhà bản thủ bèn rủ nhau không tự bay về nữa</i> - Tác dụng: + Tăng sức gợi hình, gợi cảm, sức biểu đạt của câu văn; tạo sự li kì, hấp dẫn cho truyện + Thể hiện cái nhìn, quan niệm của người xưa về cuộc sống: lí giải nguyên nhân vì sao con người phải làm lụng vất vả, khuyên con người nên sống sạch sẽ, ngăn nắp... + Thể hiện trí tưởng tượng bay bổng; tư duy hồn nhiên, chất phác của con người thời cổ đại Hướng dẫn chấm: - Chỉ ra hình ảnh nhân hoá: 0,25 điểm - Nêu tác dụng: + Học sinh nêu được 02- 03 tác dụng: 0,75 điểm. + Học sinh nêu được 01 tác dụng: 0,5 điểm. + Học sinh không nêu được tác dụng hoặc trả lời không thuyết phục: 0,0 điểm.	1,0
	5 Nhận xét về những đặc điểm của nhân vật Chử Lầu: - Là nhân vật kì ảo, có phép thần thông: sáng tạo ra trời đất, muôn loài; cai quản vườn Din-giang-ca; chi phối sự sống và cái chết của con người... - Nhân vật Chử Lầu là nhân vật chức năng, tiêu biểu cho đặc điểm nhân vật trong thần thoại. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng 02 ý: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời đúng 01 ý: 0,25 điểm - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	0,5
	6 - Học sinh nêu được một thông điệp sâu sắc từ văn bản (<i>Gợi ý: tôn trọng, sống hài hòa với thiên nhiên; coi trọng công sức lao động; coi trọng sự sống, sinh mệnh...</i>) - Nêu được ý nghĩa của thông điệp Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 02 ý: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 01 ý: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.	1,0
II	VIẾT	5,0
	Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) thuyết phục người khác từ bỏ thói quen sống khép kín, né tránh giao tiếp xã hội.	
	a. Đảm bảo bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.	0,5
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận Thuyết phục người khác từ bỏ thói quen sống khép kín, né tránh giao tiếp xã hội. Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề nghị luận: 0,5 điểm. - Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.	0,5
	c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu Lựa chọn được thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận.	3,0

	* Thân bài: - <i>Giải thích:</i> Thói quen sống khép kín, né tránh giao tiếp xã hội là thói quen sống thu mình, trốn tránh việc phải giao tiếp với người khác, thường tự tạo ra một vỏ bọc cho bản thân để có cảm giác an toàn... - <i>Biểu hiện:</i> + Thường xuyên không ra khỏi nhà. + Không thích giao tiếp với bạn bè, ngại làm quen với bạn mới. + Ngại bộc lộ khả năng của bản thân. ... - <i>Phân tích lí do nên từ bỏ thói quen sống khép kín, né tránh giao tiếp xã hội:</i> + Khiến bạn trở nên cô đơn, mặc cảm, tự ti, tác động tiêu cực đến sức khỏe tinh thần. + Khiến bạn đánh mất cơ hội phát triển bản thân. + Khiến cuộc sống tẻ nhạt, vô nghĩa. + Bị mọi người xa lánh, coi thường, làm đổ vỡ các mối quan hệ xã hội. + Đi ngược lại với xu hướng vận động và phát triển của xã hội, kìm hãm sự phát triển của đất nước. ... <i>(Lưu ý: Học sinh có thể triển khai theo hướng nói về lợi ích của việc từ bỏ thói quen sống khép kín)</i> - <i>Đề xuất giải pháp để từ bỏ thói quen sống khép kín:</i> Cần nhận thức được tầm quan trọng của việc giao tiếp; tham gia các khóa học về kỹ năng giao tiếp; tích cực học tập, trải nghiệm; tham gia các hoạt động rèn luyện sức khỏe và sinh hoạt cộng đồng; tìm người bạn đồng hành đáng tin cậy;... - <i>Dự đoán sự ủng hộ, đồng tình của những người xung quanh khi người khác từ bỏ được thói quen này.</i> * Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen xấu; liên hệ bản thân. <i>(Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật)</i>	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản. Hướng dẫn chấm: - Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5
	<i>đ. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng cộng (I + II)		10,0

Bắc Ninh, ngày 8/12/2025

Nhóm trưởng

Nguyễn Thị Lệ Hằng